TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2024/HS-ST
Ngày 25 – 12 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;
2. Ông Từ Anh Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 330/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn H, sinh năm 1985, tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký HKTT: Khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn N, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1947 (đã chết); Bị cáo có vợ tên Trần Thị L1, sinh năm 1986 (đã ly hôn), có 03 con ruột (Lớn nhất sinh năm 2006; nhỏ nhất sinh năm 2018); Bị cáo có 06 anh chị em ruột. (Lớn nhất sinh năm 1969; nhỏ nhất sinh năm 1990). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/7/2024 đến ngày 16/12/2024 bị bắt tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty cổ phần O; Trụ sở: Tầng C, Toà văn phòng T26, KĐT T, Số D M, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Lê P, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số A C S, Số A M, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (là người đại diện theo uỷ quyền). Bà P vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Phạm Văn H làm nghề tài xế xe ô tô tải. Ngày 01/01/2023, Phạm Văn H ký với Công ty cổ phần O (viết tắt là Công ty O1) Hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 0135/2023/OMD-PN-0000122505 ngày 01/01/2023 để làm đối tác vận chuyển hàng hóa đến các khách hàng của Công ty O1. Theo nội dung hợp đồng, H đến Kho TBS thuộc phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương lấy các đơn hàng của Công ty O1, sau đó đi giao các đơn hàng cho các khách hàng của Công ty và thực hiện thu tiền thanh toán đơn hàng từ khách hàng của Công ty K giao hàng (gọi tắt là "Tiền COD"), khoản tiền COD này là do Công ty O1 ủy quyền theo nội dung tại hợp đồng (trong trường hợp khách hàng của Công ty M, đề nghị thực hiện thanh toán khi nhận hàng hoặc Công ty có nhu cầu để tài xế thu tiền bán hàng từ người nhận khi giao hàng) để H thực hiện thu khi giao hàng và H có trách nhiệm hoàn trả tiền COD cho Công ty O1 trong vòng 01 ngày kể từ ngày đơn hàng được giao thành công theo các quy trình phối hợp tại hợp đồng.

Vào ngày 22/08/2023, H điều khiển xe ô tô tải THACO Trường Hải biển số 60H-09701 thuê của anh Phan Tấn L2 đến Kho TBS thuộc phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương để nhận đơn hàng đi giao cho khách hàng của Công ty O1, tại đây H đã nhận đủ tổng số 38 đơn hàng loại mặt hàng tiêu dùng nhanh để đi giao cho khách hàng vào ngày hôm sau từ nhân viên của kho TBS là Đỗ Nguyễn Thanh D theo Phiếu xuất hàng ngày 22/08/2023 (mã phiếu là 84WV00018129). Sau đó, H thuê anh Phan Tấn L2 (chủ xe ô tô tải THACO Trường Hải biển số 60H-09701) đi cùng H để giao 38 đơn hàng cho các khách hàng của Công ty trên địa bàn các huyện T, huyện Đ, huyện T thuộc tỉnh Đồng Nai và thu tiền thanh toán của 38 đơn hàng. Tuy nhiên, quá trình giao 38 đơn hàng thì có 08 đơn hàng với tổng số tiền là 24.894.500 đồng (hai mươi bốn triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng) do khách hàng đi vắng không có ở nhà nên H chưa giao được và báo lại với Công ty H1 đơn hàng chưa giao H sẽ giao cùng đơn hàng đợt sau, đối với 30 đơn hàng đã giao và thu đủ tiền thanh toán là 81.012.466 đồng. Ngày 24/08/2023, H chuyển khoản số tiền hàng là 81.012.466 đồng đến số tài khoản M88826228743456 Ngân hàng T chủ tài khoản là Công ty O1.

Ngày 26/08/2023, H điều khiển xe ô tô tải THACO Trường Hải biển số 60H-09701 đến Kho TBS thuộc phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương để nhận đơn hàng đi giao cho khách hàng của Công ty O1, tại đây H đã nhận tổng số 37 đơn hàng loại mặt hàng tiêu dùng nhanh để đi giao cho khách hàng từ nhân viên của kho TBS là Nguyễn Thị Thùy D1 theo phiếu xuất hàng ngày 25/08/2023 (mã phiếu là 84WV00018274). Sau đó, H tiếp tục thuê anh Phan Tấn L2 đi cùng H để giao 37 đơn hàng ngày 25/08/2023 và 08 đơn hàng cũ (trong tổng số 38 đơn hàng theo Phiếu xuất hàng ngày 22/08/2023), tổng số là 45 đơn hàng cho các khách hàng trên địa bàn các huyện T, huyện Đ, huyện T thuộc tỉnh Đồng Nai và thu tiền thanh toán của 45 đơn hàng. Tuy nhiên, sau khi H giao đủ 45 đơn hàng cho khách hàng và thu đủ tiền thanh toán với số tiền là 125.909.793 đồng (trong đó, số tiền thanh toán của 37 đơn hàng theo Phiếu xuất hàng ngày 25/08/2023 là 101.015.293 đồng và số tiền thanh toán của 08 đơn hàng theo Phiếu xuất hàng ngày 22/08/2023 là 24.894.500 đồng) thì H có ý định chiếm đoạt số tiền này.

Để thực hiện ý định chiếm đoạt, H đã không thực hiện việc chuyển khoản số tiền thanh toán của 45 đơn hàng cho Công ty theo quy định mà đưa ra thông tin gian dối là trong quá trình di chuyển làm mất số tiền 125.909.793 đồng của 45 đơn hàng rồi bỏ trốn đi ở nhiều nơi không cố định và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 28/10/2023, Công ty O1 đã tiến hành làm việc với H, yêu cầu H trả lại Công ty số tiền thanh toán của 45 đơn hàng với số tiền là 125.909.793 đồng mà H đã thu đủ từ khách hàng. H nói dối là trong quá trình di chuyển giao hàng H đã làm mất số tiền 125.909.793 đồng. Đồng thời, đề xuất dùng số tiền đặt cọc khi H ký Hợp đồng vận chuyển với công ty là 50.000.000 đồng cộng với số tiền cước phí vận chuyển tháng 8 năm 2023 Công ty chưa thanh toán cho H là 22.414.818 đồng, tổng số tiền là 72.414.818 đồng để khắc phục số tiền đã chiếm đoạt của Công ty, số tiền thanh toán còn lại là 53.494.975 đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn chín bảy mươi lăm) H hứa sẽ trả lại cho Công ty và được Công ty đồng ý. Tuy nhiên, sau đó Công ty liên hệ làm việc với H nhiều lần nhưng H tìm nhiều lý do để không trả và cắt liên lạc. Đến khoảng đầu tháng 11 năm 2023, Công ty tiếp tục liên hệ với H để làm việc nhưng không liên lạc được. Đến ngày 28/02/2024, bà Nguyễn Thị Lê Phan đại diện Công ty O1 đến Cơ quan Công an thành phố D tố giác H về hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty.

Tại Bản Cáo trạng số 325/CT-VKS-DA ngày 10/10/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn H và đề nghị:

- Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Về trách nhiệm dân sự: Phạm Văn H đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt 125.909.793 đồng trả lại Công ty cổ phần O. Cụ thể ngày 28/10/2023, H và Công ty T1 dùng số tiền đặt cọc khi H ký Hợp đồng vận chuyển với Công ty là 50.000.000 đồng cộng với số tiền cước phí vận chuyển tháng 8 năm 2023 Công ty chưa thanh toán cho H là 22.414.818 đồng, tổng số tiền là 72.414.818 đồng để khắc phục số tiền đã chiếm đoạt. Ngày 24/05/2024, H đã trực tiếp sử dụng tài khoản 152704070017814 tên chủ tài khoản Phạm Văn H mở tại Ngân hàng H2 để chuyển khoản số tiền 53.494.975 đồng đến tài khoản 19088000888996 của Công ty cổ phần O. Công ty không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với anh Phan Tấn L2 được H thuê để phụ giao hàng và thu tiền thanh toán đơn hàng cùng với H, sau đó, nộp số tiền thanh toán các đơn hàng vào tài khoản 5915205241406 tên chủ tài khoản Phan Tấn L2 mở tại Ngân hàng A Chi nhánh thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai rồi chuyển khoản vào tài khoản 152704070017814 của H toàn bộ số tiền thanh toán các đơn hàng để H trả cho Công ty. Việc H chiếm đoạt số tiền 125.909.793 đồng, anh Phan Tấn L2 không biết Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không đề nghị xử lý là phù hợp. Do đó, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị Hội đồng xét xử xử lý.

Tại phiên tòa, bị hại Công ty cổ phần O do bà Nguyễn Thị Lê Phan L3 đại diện vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà P trình bày như sau: Về mặt dân sự: Phạm Văn H đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt 125.909.793 đồng của Công ty. Do đó, Công ty không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về mặt hình sự đề nghị Toà án giải quyết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn H không tranh luận với Bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm Sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và các đương sự khác không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt đại diện bị hại Công ty cổ phần O nhưng đã có lời khai đầy đủ và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, sự vắng mặt của đại diện bị hại không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo Phạm Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 22/08/2023 đến ngày 27/08/2023, trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ vận chuyển với Công ty cổ phần O, Phạm Văn H nhận được số tiền 125.909.793 đồng của 45 đơn hàng từ khách hàng của Công ty cổ phần O, sau đó đưa ra thông tin gian dối để không nộp tiền cho Công ty theo quy định và chiếm đoạt số tiền đã thu là 125.909.793 đồng để tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của Phạm Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt số tiền 125.909.793 đồng của Công ty cổ phần O là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa

đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn H không có tiền án, tiền sự.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trái pháp luật đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

- Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy đã áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn H đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt 125.909.793 đồng trả lại Công ty cổ phần O. Công ty cổ phần O không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với anh Phan Tấn L2 được H thuê để phụ giao hàng và thu tiền thanh toán đơn hàng cùng với H. Sau đó, ông L2 đã chuyển vào tài khoản của H toàn bộ số tiền thanh toán các đơn hàng để H trả cho Công ty. Việc H chiếm đoạt số tiền 125.909.793 đồng anh Phan Tấn L2 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý là phù hợp.

[10] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, loại hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là cao so với mức độ hành vi của các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[11] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 16/12/2024.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- PV 06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- PC 10 - Công an tỉnh Bình Dương;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hải Nam